

Bản án số: 23/2021/HS-ST  
Ngày 15 tháng 6 năm 2021.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HOÁ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Sỹ H

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Bùi Thị Ng.

2. Bà Trần Phương Th.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Đình T - Thư ký của TAND huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TX, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Văn N - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TX, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2021/TLST- HS ngày 28/5/2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:25/2021/QĐXXST- HS ngày 03/6/2021 đối với bị cáo:

**1. Trần Quốc Th**(tên gọi khác: không); sinh năm 1992 tại: xã XTĐ, huyện HM, thành phố HCM; Trú tại: ấp XTĐ 1, xã XTĐ, huyện HM, thành phố HCM ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn S và bà Bạch Thị Kim C; Vợ, con chưa có.

Tiền án: Ngày 17/4/2014 bị Tòa án nhân dân huyện EaH'Leo, tỉnh Đăklăk xử phạt 03 năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Ngày 14/5/2014 bị Tòa án nhân dân Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đến ngày 16/02/2020 chấp hành xong hình phạt của 02 bản án trên.

Tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 26/03/2010 bị Công an phường Ông Lãnh, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm giữ tài sản trái phép của người khác.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/02/2021, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ, tạm giam Công an huyện TX (Có mặt tại phiên tòa).

**2. Những người bị hại:**

2.1 Ông Nguyễn Văn T – sinh năm 1964.

Trú tại: Thôn TT, xã TT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.

2.2 Bà Trần Thị Ph – sinh năm 1962( có mặt).

Trú tại: Thôn TT, xã TT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.

Ông Nguyễn Văn T ủy quyền cho bà Trần Thị Ph tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền ngày 10 tháng 02 năm 2021.

4. **Người làm chứng:** Chị Nguyễn Thị L – sinh năm 1989(có mặt)

Trú tại: Thôn TT, xã TT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7 năm 2020, Trần Quốc Th sinh năm 1992, trú tại ấp XTĐ 1, xã XTĐ, huyện HM, thành phố HCM, qua mạng xã hội Zalo có quen biết với chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989 trú tại thôn TT, xã TT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa hiện đang làm ăn tại thành phố Hồ Chí Minh. Bản thân Th là lao động tự do, tuy nhiên để tạo niềm tin với chị L, Th lên mạng mua 01 bộ quần áo, dây thắt lưng, biển tên, ve hàm của ngành Công an. Khi gặp chị L, Th giới thiệu là cán bộ Công an đang công tác tại Cục cảnh sát kinh tế Bộ Công an, chức vụ Phó đội trưởng, cấp bậc thượng úy. Sau một thời gian quen biết Th và chị L nảy sinh tình cảm và chung sống với nhau như vợ chồng. Tháng 12/2020, Th về quê nhà chị L ở thôn TT, xã TT, huyện TX chơi và ra mắt gia đình chị L, do Th giới thiệu là cán bộ Công an nên đã tạo được niềm tin từ ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ph là bố mẹ chị L.

Đến khoảng đầu tháng 01/2021, Th tiếp tục về quê chị L chơi. Sáng ngày 05/01/2021 lợi dụng khi gia đình chị L đi vắng, Th nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để tiêu xài, nên Th đi vào buồng nhà ông T, bà Ph lục tìm tài sản để trộm cắp. Khi Th đi vào buồng thì thấy bên trên chiếc giường gỗ có 01 cái bì, bên trong bì có 01 cuộn dây điện, Th thò tay vào bên trong cuộn dây điện thì thấy có 01 túi bóng nilon màu tối bên trong có tiền, Th lấy tiền cho vào túi quần và đi ra ngoài. Khi ông T và chị L về nhà thì Th lấy lí do đi thành phố Thanh Hóa có việc nhưng thực chất là mang số tiền trộm cắp được để tiêu sài cá nhân. Khi xuống đến thành phố Thanh Hóa, Th mở gói tiền trộm cắp được của gia đình ông T, bà Ph ra đếm thì được 35.000.000đ(Ba lăm triệu đồng), bao gồm tiền loại mệnh giá 500.000đ và 200.000đ.

Khoảng 13 giờ cùng ngày, bà Ph về nhà và kiểm tra thì phát hiện mất số tiền 35.000.000đ để trong buồng, bà Ph nghi ngờ Th lấy trộm nên nhờ chị L gọi điện cho Th, Th đã thừa nhận lấy trộm số tiền trên của bà Ph, nhưng Th nói lí do có việc nên mượn tạm một thời gian, sau này sẽ trả lại gấp đôi; do tin tưởng Th nên bà Ph đã không tố cáo hành vi trộm cắp tài sản của Th. Đến ngày 06/02/2021, Th và chị L về nhà chị L chơi, lúc này gia đình chị L nghi ngờ Th giả danh Công an nên bà Ph đã đến Công an xã TT báo cáo sự việc Th trộm cắp số tiền 35.000.000đ của gia đình bà vào ngày 05/01/2021. Cùng ngày Trần Quốc Th đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TX để đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ các đồ vật gồm: 01 áo sơ mi ngắn tay màu xanh(dạng trang phục Công an nhân dân); 01 bảng tên bằng kim loại, kích

thước(8,5x 2,5)cm, có in dòng chữ: TRẦN QUỐC TH – PHÓ ĐỘI TRƯỞNG, 032 – 556; 01 ve hàm thượng úy; 01 hợp đồng nguyên tắc; 01 điện thoại Nokia C màu xanh; 01 điện thoại Vivo màu xanh; 01 bản sơ yếu lý lịch công chức mang tên Trần Quốc Th; 01 ví da màu đen có dòng chữ GUICI; 03 thẻ ATM của Trần Quốc Th; 01 thẻ ATM của chị Nguyễn Thị L; 01 chứng minh thư nhân dân số 08217170 mang tên Dương Tuấn Anh; 01 sổ hướng dẫn thanh toán của Công ty tài chính TNHH MB SHINSEI mang tên Trần Quốc Th; 01 phiếu hướng dẫn kích hoạt Internet banking; 02 phiếu thanh toán mang tên Trần Quốc Th và Nguyễn Thị L; 01 dây thắt lưng màu nâu, được ghi dòng chữ “Công ty may 19 -5 Bộ Công an”; 01 đôi Giày da màu đen, cỡ 42; 01 áo phông màu đen, phía trước trực có thêu logo Bộ Công an, phía sau có chữ POLICE màu trắng; 02 giấy ủy quyền ngày 19/01/2021 giữa Trần Quốc Th và Nguyễn Thị L; 01 điện thoại di động màu trắng, mặt sau in logo quả táo khuyết.

Ngoài ra bà Trần Thị Ph và chị Nguyễn Thị L còn giao nộp các tài sản mà Trần Quốc Th tặng cho bà Phúc và chị L gồm: 02 nhẫn kim loại màu vàng và 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng do bà Ph giao nộp; 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng và 01 lắc tay bằng kim loại màu vàng do chị L giao nộp.

Đối với hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép trang phục ngành Công an nhân dân của Trần Quốc Th vào việc tạo niềm tin cho gia đình chị Nguyễn Thị L nhằm mục đích tán tỉnh yêu đương chị L, nhưng chưa thực hiện hành vi trái pháp luật. Do đó Công an huyện TX đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Trần Quốc Th về hành vi này.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ph yêu cầu Trần Quốc Th phải bồi thường số tiền đã trộm cắp là 35.000.000đ. Hiện tại Th vẫn chưa bồi thường được khoản tiền nào.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TX đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị Nguyễn Thị L các đồ vật thuộc quyền sở hữu của chị L và do Trần Quốc Th ủy quyền cho chị Lương gồm: 04 thẻ ATM; 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng và 01 lắc tay bằng kim loại màu vàng; 01 điện thoại Nokia C màu xanh; 01 điện thoại Vivo màu xanh; 01 điện thoại di động màu trắng, mặt sau in logo quả táo khuyết; 01 sổ hướng dẫn thanh toán của Công ty tài chính TNHH MB SHINSEI mang tên Trần Quốc Th; 01 phiếu hướng dẫn kích hoạt Internet banking; 02 phiếu thanh toán mang tên Trần Quốc Th và 01 sổ hướng dẫn mang tên Nguyễn Thị L.

Trả lại cho bà Trần Thị Ph các tài sản gồm: 01 Phiếu hẹn khách hàng mang tên Trần Quốc Th; 02 nhẫn kim loại màu vàng và 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng.

Đối với: 01 bộ trang phục dành riêng cho lực lượng Công an thu giữ của Trần Quốc Th bao gồm: quần áo, ve hàm, bảng tên, giày, dây thắt lưng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TX đã tiến hành tiêu hủy theo quy định.

Đối với 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Dương Tuấn Anh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TX đã trả lại cho anh Dương Tuấn Anh.

Tại bản cáo trạng số 28/CT-VKSTX ngày 27/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TX, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Trần Quốc Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TX giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với Trần Quốc Th về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Các điểm s khoản 1,2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Xử phạt bị cáo mức án từ 24 đến 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 07/02/2021; đề nghị không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo; buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 35.000.000đ. Ngoài ra còn đề nghị HĐXX xử lý án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người bị hại đề nghị bị cáo bồi thường số tiền 35.000.000đ và đề nghị xử bị cáo theo quy định của pháp luật. Trong phần tranh luận bị hại không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố, lời luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa, trong phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX vào phòng nghị án:

Bị cáo rất hối hận về hành vi của bản thân, đề nghị HĐXX xem xét, cân nhắc cho bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật, xử phạt bị cáo ở mức hình phạt thấp của khung hình phạt, để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm của bản thân, phấn đấu trở thành công dân có ích cho xã hội, sớm trở về đoàn tụ gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhân định như sau:

[1]*Về tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án cơ quan điều tra, cơ quan truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]*Xét hành vi phạm tội của bị cáo*: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Quốc Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án; Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, lời luận tội của Kiểm sát viên, lời khai của người bị hại và kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, thể hiện: Sáng ngày 05/01/2021, tại nhà ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ph ở thôn TT, xã TT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa, lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của gia đình, Trần Quốc Th đã có hành vi lén lút trộm cắp số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) của gia đình ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ph để tiêu sài cá nhân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Quốc Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội danh và hình phạt

được quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 173 BLHS, Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện TX đã truy tố đối với bị cáo là hoàn toàn chính xác và có căn cứ.

*[3] Xét tính chất, mức độ của vụ án thì thấy:*

Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Trần Quốc Th là nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ hành vi của bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của người dân, bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp, xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật Hình sự bảo vệ; gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong nhân dân, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, hành vi của bị cáo cần phải được xử lý đúng mức để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

*[4] Xét nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo thì thấy:*

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, Ngày 26/03/2010 bị Công an phường Ông Lãnh, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm giữ tài sản trái phép của người khác; 02 lần bị kết án bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích.

Về tình tiết tăng nặng TNHS: tái phạm.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo; sau khi phạm tội đã ra đầu thú về hành vi của mình. Vì vậy cần áp dụng điểm s khoản 1,2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy rõ sự khoan hồng của pháp luật.

*[5] Về đề nghị của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị áp dụng đối với bị cáo:* Về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, bồi thường dân sự, án phí mà đại diện Viện kiểm sát đã có ý kiến đề nghị. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, do đó đề nghị của đại diện Viện kiểm sát được HĐXX chấp nhận.

*[6] Về hình phạt:* Từ những căn cứ phân tích nêu trên cần áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1,2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS 2015 đối với bị cáo. Xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất mức độ, hành vi của bị cáo gây ra, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo yên tâm cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS để sung vào ngân sách Nhà nước.

*[7] Về trách nhiệm dân sự:* Cần áp dụng các Điều 584,585,586 và 589 của Bộ luật dân sự 2015 buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn T, Trần Thị Ph số tiền 35.000.000đ(Ba lăm triệu đồng).

*[8] Về án phí:* Buộc bị cáo Trần Quốc Th phải chịu án phí HSST và án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật;

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1, khoản 5 Điều 173; Điểm s khoản 1,2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Quốc Th.

1.Tuyên bố: Trần Quốc Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2.Xử phạt: **Trần Quốc Th 29**(Hai chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/02/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Phạt tiền bổ sung bị cáo 10.000.000đ(Mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

\* Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng các Điều 584,585,586 và 589 của Bộ luật dân sự 2015. Buộc bị cáo bồi thường cho ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ph số tiền 35.000.000đ(Ba lăm triệu đồng).

*Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được bồi thường có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả, thì phải chịu lãi suất theo lãi xuất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.*

\*Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1,3 Điều 21 và khoản 1 Điều 23; khoản 2, 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.750.000đ(Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự trong vụ án hình sự.

*Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo phải thi hành khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự, nếu không tự nguyện thì bị cưỡng chế theo điều 9 luật THADS, thời hiệu thi hành án căn cứ vào điều 30 luật Thi hành án dân sự.*

Án xử công khai, sơ thẩm có mặt bị cáo; người bị hại. Những người này được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện TX;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện TX;
- Chi cục THADS huyện TX;
- Cơ quan THAHS CA huyện TX;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Lê Sỹ H**

